

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực đường sắt, đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực đường sắt, đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mp*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- UBND các tỉnh, thành phố thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Handwritten signature]
Nguyễn Ngọc Đông

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ,
BỊ BỎ LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1194 /QĐ-BGTVT

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
I. Lĩnh vực đường sắt					
1		Cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị cho người nước ngoài đã có giấy phép lái tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp	Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương						
I. Lĩnh vực đường sắt						
1	B-BGT-284961-TT	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 10/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam	
2	B-BGT-284964-TT	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 10/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam	
3	B-BGT-284856-TT	Sát hạch, cấp Giấy phép lái tàu	Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam	

II. Lĩnh vực đăng kiểm						
1	B-BGT-285744-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	Đăng kiểm	Cục Đăng kiểm Việt Nam	
2	B-BGT-285514-TT	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị	Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị	Đăng kiểm	Cục Đăng kiểm Việt Nam	
3	B-BGT-285515-TT	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị	Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị	Đăng kiểm	Cục Đăng kiểm Việt Nam	
B. Thủ tục hành chính do cả trung ương và địa phương giải quyết						
I. Lĩnh vực đường sắt						
1	B-BGT-285429-TT	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải	
2	B-BGT-285430-TT	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải	

			dành cho đường sắt			
3	B-BGT-285431-TT	Bãi bỏ đường ngang	Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải	i
4	B-BGT-285560-TT	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam, Cơ quan theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
5	B-BGT-285562-TT	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam, Cơ quan theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
6	B-BGT-284973-TT	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị	Đường sắt	Bộ GTVT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
7	B-BGT-284974-TT	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị,	Đường sắt	Bộ GTVT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

			đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị			
8	B-BGT-284975-TT	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị	Đường sắt	Bộ GTVT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
9	B-BGT-285428-TT	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đường sắt	Đường sắt	Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng	

Ghi chú: Những thủ tục hành chính do cả trung ương và địa phương giải quyết thì nội dung thủ tục hành chỉ được công bố ở phần TTHC do Trung ương giải quyết.

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương						
I. Lĩnh vực đường sắt						
1	B-BGT-284962-TT	Đăng ký lại phương tiện giao thông đường sắt	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 10/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam
2	B-BGT-284963-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng				
3	B-BGT-284959-TT	Cấp lại giấy phép lái tàu	Cấp lại giấy phép lái tàu	Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam
4	B-BGT-284960-TT	Đổi Giấy phép lái tàu				
II. Lĩnh vực đăng kiểm						
1	B-BGT-285753-TT	Thẩm định thiết kế phương tiện giao thông đường sắt	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	Đăng kiểm	Cục Đăng kiểm Việt Nam
2	B-BGT-285754-TT	Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt				

4. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
I- Lĩnh vực đường sắt					
1	B-BGT-284968-TT	Cấp Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	Luật Đường sắt năm 2017	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam
2	B-BGT-284969-TT	Cấp lại Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	Luật Đường sắt năm 2017	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam
3	B-BGT-284970-TT	Đổi Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	Luật Đường sắt năm 2017	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam
4	B-BGT-284965-TT	Cấp Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	Luật Đường sắt năm 2017	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam
5	B-BGT-284966-TT	Cấp lại Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	Luật Đường sắt năm 2017	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam
6	B-BGT-284967-TT	Đổi Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	Luật Đường sắt năm 2017	Đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

I. Lĩnh vực Đường sắt

1. Cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị cho người nước ngoài đã có giấy phép lái tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị có thuê người nước ngoài đã có giấy phép lái tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Đường sắt Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ (đối với trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác).

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy phép lái tàu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp không cấp thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác.

1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu theo mẫu quy định;
- Văn bản đề nghị cấp giấy phép lái tàu của doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị có thuê người nước ngoài đã có giấy phép lái tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp theo mẫu quy định;
- Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sức khỏe lái tàu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;
- Hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị và lái tàu là người nước ngoài;
- Bản sao giấy phép lái tàu còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp có công nghệ tương ứng với tuyến đường sắt đô thị được thuê vận hành, được công chứng dịch thuật bằng tiếng Việt;

- Hồ sơ kết quả kiểm tra năng lực, nghiệp vụ lái tàu trên đường sắt đô thị đối với từng lái tàu do doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị tổ chức theo các nội dung quy định tại Mục 5, Mục 6 Chương V Thông tư 33/2018/TT-BGTVT.
- 03 ảnh màu cỡ 3x4 cm chụp trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- **Tổ chức.**

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép lái tàu.

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp lại Giấy phép lái tàu: 100.000 đồng/01 lần cấp.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái tàu có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt ;
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thu phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu cho người nước ngoài

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép lái tàu

Loại
Kính gửi: CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Tên tôi là:

Sinh ngàytháng..... năm..... tại

Quốc tịch :.....

Nơi ở hiện nay : Điện thoại :

Đơn vị công tác hiện nay :

Số Hộ chiếu, ngày cấp, ngày hết hạn.....

Số Giấy phép lái tàu (do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp):.....

Quốc gia cấp giấy phép lái tàu: loại giấy phép lái tàu:

Đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam xem xét cấp giấy phép lái tàu loại:

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu văn bản đề nghị cấp giấy phép lái tàu cho người nước ngoài

ĐƠN VỊ:

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày...tháng...năm...

Kính gửi: Cục Đường sắt Việt Nam

Căn cứ Thông tư số: /2018/TT-BGTVT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt;

Đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam cấp giấy phép lái tàu cho các cá nhân theo danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Số/loại Giấy phép lái tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp

(Gửi kèm theo Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lái tàu của từng cá nhân có tên trên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đến Cục Đường sắt Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Đường sắt Việt Nam hướng dẫn chủ sở hữu phương tiện hoàn thiện hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc (nếu hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu phương tiện biết để bổ sung hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc (nếu tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính);

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định, Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp không cấp, Cục Đường sắt Việt Nam có văn bản trả lời cho chủ sở hữu phương tiện và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

2.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện theo mẫu quy định.

- Các giấy tờ phương tiện bao gồm:

+ Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có);

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ của phương tiện như sau: Hợp đồng mua bán, cho, tặng; quyết định Điều chuyển phương tiện theo quy định của pháp luật. Đối với giấy tờ của phương tiện bằng tiếng nước ngoài thì phải nộp kèm theo bản dịch tiếng Việt đã được công chứng dịch thuật; hóa đơn bán hàng của tổ chức phát hành hóa đơn bán hàng nếu phương tiện bán ra đã chuyển qua nhiều tổ chức, cá nhân thì khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ cần bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hóa đơn bán hàng của tổ chức, cá nhân bán cuối cùng; Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do tổ chức đăng kiểm Việt Nam hoặc tổ chức đăng kiểm nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cấp còn hiệu lực.

- Trường hợp trong cùng một hợp đồng mua bán, cho, tặng phương tiện, hóa đơn bán hàng, tờ khai hải quan của hồ sơ có kê khai nhiều phương tiện thì chủ sở

hữu phương tiện có trách nhiệm cung cấp bảng kê khai cho từng phương tiện đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc hồ sơ đối với từng phương tiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT.

- Đối với phương tiện nhập khẩu ngoài các giấy tờ **phương tiện nêu trên** thì cần phải có thêm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của tờ khai hải quan dùng cho phương tiện nhập khẩu hoặc tờ khai hải quan điện tử đã được thông quan.

- Đối với phương tiện giao thông đường sắt đô thị, trường hợp phương tiện không có hợp đồng mua bán, hóa đơn riêng (do việc mua bán các phương tiện đó chỉ là hợp Phần của gói thầu và không thể tách rời) thì chủ sở hữu phải có bản cam kết xác nhận các phương tiện đó thuộc quyền sở hữu và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có các tranh chấp sở hữu phát sinh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ sở hữu phương tiện.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

2.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký: 120.000 đồng/01 lần cấp.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 10/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Dùng cho phương tiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký)

Kính gửi:

Tên chủ phương tiện:

Địa chỉ:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Nhãn hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất):

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT:

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng (t)	
Tải trọng (t) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Động cơ (nếu có)	
Số động cơ (nếu có)	
Công suất động cơ (nếu có)	
Loại giá chuyển hướng (nếu có)	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxCxR)	

Giấy tờ kèm theo gồm:

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Nay đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho phương tiện trên./.

... .. Ngày tháng năm

Chủ sở hữu phương tiện

(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

3. Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ làm thủ tục đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký đến Cục Đường sắt Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Đường sắt Việt Nam hướng dẫn chủ sở hữu phương tiện hoàn thiện hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc (nếu hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu phương tiện biết để bổ sung hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc (nếu tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính);

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định, Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định;
- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ sở hữu phương tiện.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 10/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI, XÓA
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI, XÓA
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG
SẮT**

(Dùng cho phương tiện đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký)

Kính gửi:

Tên chủ sở hữu phương tiện:.....

Địa chỉ:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):

Nhãn hiệu:

Phương tiện này đã đăng ký tại: Giấy chứng nhận đăng ký số:.....

Ngày tháng năm:

Lý do thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký:

.....

.....

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng (t)	
Tải trọng (t) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Động cơ (nếu có)	
Số động cơ (nếu có)	
Công suất động cơ (nếu có)	
Loại giá chuyển hướng (nếu có)	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxCxR)	

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kể trên.

Nay đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của phương tiện trên./.

... .. Ngày tháng năm

Chủ sở hữu phương tiện

(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

4. Sát hạch, cấp Giấy phép lái tàu

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu sát hạch cấp giấy phép lái tàu nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Đường sắt Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trong 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, cá nhân thời gian, địa điểm sát hạch nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ (đối với trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả sát hạch, Cục Đường sắt Việt Nam thực hiện cấp giấy phép lái tàu cho những người được công nhận đạt yêu cầu kỳ sát hạch.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác.

4.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sát hạch, cấp mới giấy phép lái tàu theo mẫu quy định;
- Văn bản đề nghị tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái tàu của doanh nghiệp theo mẫu quy định;
- Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sức khỏe lái tàu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu bằng hoặc chứng chỉ chuyên ngành lái phương tiện giao thông đường sắt phù hợp với loại phương tiện dự sát hạch;
- 03 ảnh màu cỡ 3x4 cm chụp trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả sát hạch.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép lái tàu.

4.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy phép lái tàu: 100.000 đồng/01 lần cấp.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị sát hạch, cấp mới giấy phép lái tàu;
- Văn bản đề nghị tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái tàu của doanh nghiệp.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có độ tuổi từ đủ 23 đến 55 đối với nam, từ đủ 23 đến 50 đối với nữ, có đủ sức khỏe để lái các loại phương tiện giao thông đường sắt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;
- Có bằng hoặc chứng chỉ về lái phương tiện giao thông đường sắt phù hợp với loại phương tiện dự sát hạch;
- Đối với chức danh lái tàu trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng phải có thời gian làm phụ lái tàu an toàn liên tục 24 tháng trở lên.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt ;
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thu phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Đơn đề nghị sát hạch, cấp mới giấy phép lái tàu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Sát hạch, cấp mới giấy phép lái tàu

Loại

Kính gửi: CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Tên tôi là:

Sinh ngàytháng..... năm..... tại

Quê quán :

Nơi ở hiện nay : Điện thoại :

Đơn vị công tác hiện nay :

Số Giấy CMND (CCCD).....Cấp ngày tháng
năm.....tại.....

Hiện tại có bị quản chế, cải tạo tại chỗ, đang bị khởi tố, điều tra hoặc đang
thi hành án không

Tóm tắt quá trình công tác:.....

Từ tháng năm đến tháng năm	Công việc đảm nhiệm	Chức vụ	Nơi công tác

Đối chiếu với điều kiện dự sát hạch để được cấp giấy phép lái tàu, tôi thấy
mình đủ điều kiện để tham dự sát hạch cấp giấy phép lái tàu.

Đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam xem xét, để tôi được tham dự sát hạch
cấp giấy phép lái tàu loại:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin
hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu Văn bản đề nghị sát hạch, cấp mới giấy phép lái tàu

Kính gửi: Cục Đường sắt Việt Nam

ĐƠN VỊ:
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

Căn cứ Thông tư số: /2018/TT-BGTVT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt,

Đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái tàu cho các cá nhân theo danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn chuyên ngành đào tạo	Kinh nghiệm công tác	Ghi chú

(Gửi kèm theo Hồ sơ đề nghị sát hạch, cấp giấy phép lái tàu của từng cá nhân có tên trên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

5. Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức là chủ đầu tư dự án, chủ quản lý, sử dụng đường ngang có nhu cầu xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường ngang trên đường sắt quốc gia;
- Tổng Cục Đường bộ Việt Nam đối với đường ngang trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến quốc lộ;
- Sở Giao thông vận tải đối với đường ngang trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường bộ đô thị và đường bộ chuyên dùng trong phạm vi quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả kết quả trong ngày làm việc về thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường mạng, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan đơn vị liên quan để lấy ý kiến:

+ Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan quản lý đường bộ (nếu có liên quan) đối với đường ngang trên đường sắt quốc gia;

+ Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải (nếu có liên quan).

- Sau khi nhận văn bản lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng đường ngang, trong vòng 05 ngày làm việc, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn trên nếu tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được coi là đã chấp thuận và phải chịu trách nhiệm do việc không trả lời hoặc trả lời chậm trễ gây ra;

- Thời gian giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không chấp thuận cấp phép xây dựng phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Trường hợp thực hiện trên môi trường mạng, chủ đầu tư dự án, chủ quản lý, sử dụng đường ngang có nhu cầu xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang lập hồ sơ đề nghị gồm tệp tin chứa bản chụp chính hồ sơ, tài liệu quy định và thực hiện trên địa chỉ website: <https://dichvucong.mt.gov.vn>.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Gửi trên môi trường mạng.

5.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định.
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu sau:
 - + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - + Quyết định phê duyệt Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang;
 - + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang đã được phê duyệt.
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu phương án tổ chức thi công công trình đường ngang và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư dự án, chủ quản lý, sử dụng đường ngang.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan quản lý đường bộ, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải (nếu có liên quan).

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

5.8. Phí, lệ phí: Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang

(..1..) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(..2..) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG, CẢI TẠO,
NÂNG CẤP ĐƯỜNG NGANG
(TẠI ..3..)**

Kính gửi:(..4..)

Căn cứ Luật đường sắt số 06/2017/QH14.

Căn cứ Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Căn cứ (...5..).

(...2...) đại diện bởi:; chức vụ: Đề nghị được cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục đích:
2. Thời gian sử dụng: (Lâu dài hay tạm thời, nếu tạm thời ghi rõ thời hạn sử dụng là từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm
3. Thuộc Dự án: (..6..)
4. Địa điểm (7):
5. Mật độ người, xe dự tính (8).
6. Cấp đường ngang
7. Các yếu tố kỹ thuật chủ yếu:
 - a) Đường sắt:
 - Mặt bằng đường sắt (9)
 - Trắc dọc đường sắt (10)
 - Nền đường sắt (11)
 - b) Đường bộ:
 - Cấp đường bộ (12)
 - Mặt bằng đường bộ (13)
 - Trắc dọc đường bộ (14)
 - Nền đường bộ (15)
 - c) Góc giao cắt (16)
8. Tầm nhìn:
 - Cửa người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (lái xe) (17)....
 - Cửa người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt (Lái tàu) (18)...
9. Khoảng cách tới đường ngang gần nhất (19)
- Phía gốc lý trình
- Phía đối diện
10. Hình thức tổ chức phòng vệ: (Có gác, cảnh báo tự động)
11. Những vấn đề khác (nếu có).

(...2...) cam kết:

- Chịu toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, tổ chức phòng vệ (nếu có); giải phóng mặt bằng trong phạm vi hành lang an toàn giao thông tại khu vực đường ngang; đặt đầy đủ thiết bị hướng dẫn giao thông và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại vị trí này.

- Tự dỡ bỏ (đường ngang sử dụng có thời hạn) khi hết thời hạn sử dụng.

Nếu không thực hiện đúng các cam kết trên, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...20...) (bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của chủ đầu tư).

+ (...21...) (bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của chủ đầu tư).

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1): Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp giấy phép (nếu có).

(2): Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp giấy phép;

(3): Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt;

(4): Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép;

(5): Văn bản chấp thuận việc cho phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang của Bộ Giao thông vận tải;

(6): Ghi đầy đủ tên dự án đầu tư xây dựng công trình mà trong đó có đường ngang đề nghị cấp giấy phép.

(7): Ghi rõ lý trình, tên tuyến đường sắt, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8): Ghi rõ mật độ người, xe dự tính qua đường ngang trong một ngày đêm sau khi xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo.

(9): Đường sắt thẳng hay cong (bán kính đường cong ..., hướng rẽ theo lý trình ...).

(10): Độ dốc (%) đường sắt, hướng dốc lên hay xuống tính theo lý trình tiến.

(11): Chiều rộng nền đường sắt, đắp, đào hoặc không đào đắp, độ cao đắp hoặc đào.

(12): Cấp đường bộ theo quy định trong “Tiêu chuẩn: TCVN 4054 : 2005 về đường ô tô và TCVN 10380:2014 về đường giao thông nông thôn”.

(13): Chiều dài đoạn thẳng của đường bộ từ đường ngang ra mỗi phía? Đoạn tiếp theo?

(14): Độ dốc (%) đường bộ từ đường ngang ra mỗi phía, dốc lên hay xuống kể từ đường ngang ra.

(15): Chiều rộng nền đường bộ, mặt đường bộ, mặt lát? nền đắp hay đào? độ cao?

(16): Góc giao cắt tính đến (độ)?

(17): Tâm nhìn lái xe phụ thuộc cấp đường bộ, theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054:2005, nêu rõ đứng ở từng bên đường ngang nhìn về hai phía đường sắt.

(18): Người lái tàu có thể nhìn thấy đường ngang từ điểm cách xa đường ngang bao nhiêu mét về phía góc lý trình và phía đối diện.

(19): Nếu có cầu, hầm, ghi, ga gần đó thì nêu khoảng cách từ đường ngang tới đó và ở về phía gốc lý trình hay đối diện.

(20): Hồ sơ thiết kế kỹ thuật của công trình đường ngang đã được phê duyệt (kèm theo Quyết định phê duyệt);

(21): Phương án tổ chức thi công công trình đường ngang và biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.

6. Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức là chủ đầu tư dự án, chủ quản lý, sử dụng đường ngang có nhu cầu gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường ngang trên đường sắt quốc gia;
- Tổng Cục Đường bộ Việt Nam đối với đường ngang trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến quốc lộ;
- Sở Giao thông vận tải đối với đường ngang trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường bộ đô thị và đường bộ chuyên dùng trong phạm vi quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả kết quả trong ngày làm việc về thành phần hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang;
- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường mạng, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ;
- Thời gian giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không ban hành quyết định phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;
- Trường hợp thực hiện trên môi trường mạng, chủ đầu tư dự án, chủ quản lý, sử dụng đường ngang có nhu cầu gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang lập hồ sơ đề nghị gồm tệp tin chứa bản chụp chính hồ sơ, tài liệu quy định và thực hiện trên địa chỉ website: <https://dichvucong.mt.gov.vn>;
- Mỗi Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần và thời gian gia hạn không quá 12 tháng đồng thời không vượt quá thời gian thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Gửi trên môi trường mạng.

6.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị theo mẫu.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn; tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư dự án, chủ quản lý, sử dụng đường ngang.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- **Quyết định về việc** Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

6.8. Phí, lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng đường ngang.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Mẫu đơn đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng đường ngang

(..1..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(..2..)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐƯỜNG NGANG (TẠI ..3..)

Kính gửi: (..4..)

Căn cứ Giấy phép xây dựng (cải tạo, nâng cấp) đường ngang tại....(3)....., số ngày tháng năm của (4)..... cấp cho(2)...

(...2....) đề nghị được gia hạn thời gian xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang; (nêu rõ lý do đề nghị gia hạn).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- (...5...)

(...2....) cam kết thực hiện theo đúng giấy phép được cấp, quyết định gia hạn giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ GIA HẠN**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình.
- (3) Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt.
- (4) Tên cơ quan đã cấp giấy phép.
- (5) Các văn bản, bản vẽ liên quan (nếu có).



7. Bãi bỏ đường ngang

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức là chủ đầu tư dự án, chủ quản lý, sử dụng đường ngang có nhu cầu bãi bỏ đường ngang lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường ngang trên đường sắt quốc gia;
- Tổng Cục Đường bộ Việt Nam đối với đường ngang trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến quốc lộ;
- Sở Giao thông vận tải đối với đường ngang trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường bộ đô thị và đường bộ chuyên dùng trong phạm vi quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả kết quả trong ngày làm việc về thành phần hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang;
- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường mạng, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ đường ngang có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan đơn vị liên quan để lấy ý kiến:
 - + Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan quản lý đường bộ (nếu có liên quan) đối với đường ngang trên đường sắt quốc gia.
 - + Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng, cơ quan quản lý đường bộ (nếu có liên quan) đối với đường ngang trên đường sắt chuyên dùng.
- Sau khi nhận văn bản lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ đường ngang, trong vòng 05 ngày làm việc, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn trên nếu tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được coi là đã chấp thuận và phải chịu trách nhiệm do việc không trả lời hoặc trả lời chậm trễ gây ra;
- Thời gian giải quyết hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không ban hành quyết định phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;
- Trường hợp thực hiện trên môi trường mạng, chủ đầu tư dự án, chủ quản lý, sử dụng đường ngang có nhu cầu bãi bỏ đường ngang lập hồ sơ đề nghị gồm tệp tin chứa bản chụp chính hồ sơ, tài liệu quy định và thực hiện trên địa chỉ website: <https://dichvucong.mt.gov.vn>.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Gửi trên môi trường mạng.

7.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị bãi bỏ đường ngang theo mẫu;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu phương án tổ chức giao thông và phương án tổ chức thi công khi bãi bỏ đường ngang;
- Tài liệu chứng minh lý do bãi bỏ đường ngang.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư dự án, chủ quản lý, sử dụng đường ngang.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan quản lý đường bộ, Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng (nếu có liên quan).

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định bãi bỏ đường ngang.

7.8. Phí, lệ phí: Không có.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị bãi bỏ đường ngang.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Mẫu đơn đề nghị bãi bỏ đường ngang

(..1..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(..2..)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ ĐƯỜNG NGANG (TẠI ..3..)

Kính gửi: (..4..)

Căn cứ Thông tư số /2018/TT-BGTVT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Căn cứ ...

.....(5)

.....(2)... đề nghị ... (4)... xem xét bãi bỏ đường ngang cấp ... (6)...; phòng vệ bằng... (7)...; giao cắt giữa đường sắt ... (8)... với đường bộ... (9)...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

- (...10...) (bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của chủ đầu tư).
- (...11...) (bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của chủ đầu tư).

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ
CHỨC ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ ĐƯỜNG NGANG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị:

(1): Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng văn bản đề nghị bãi bỏ đường ngang.

(2): Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng văn bản đề nghị bãi bỏ đường ngang.

(3): Địa danh, lý trình đường sắt, tên tuyến đường sắt.

(4): Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định bãi bỏ.

(5): Nêu rõ lý do cần bãi bỏ.

(6): Ghi cấp đường ngang: cấp I, cấp II hoặc cấp III;

(7) Ghi rõ hình thức tổ chức phòng vệ (có người gác; không có người gác: cảnh báo tự động; biển báo).

(8) Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt (ví dụ km 5+750, tuyến đường sắt Gia Lâm - Hải Phòng).

(9): Tên tuyến đường bộ, ví dụ: quốc lộ số tỉnh lộ số liên huyện nối huyện với... đường công vụ.

(10): Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng hạng mục cầu vượt, hầm chui, đường gom thuộc dự án:

(11): Các văn bản liên quan khác liên quan đến việc dự kiến bãi bỏ (nếu có).

8. Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức là chủ đầu tư dự án có nhu cầu xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trên môi trường mạng đến cơ quan có thẩm quyền:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt quốc gia.

- Cơ quan theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt đô thị.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả kết quả trong ngày làm việc về thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường mạng, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan, đơn vị liên quan để lấy ý kiến:

+ Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt khi xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt quốc gia;

+ Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị và các cơ quan chuyên môn theo phân cấp của ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt đô thị.

- Sau khi nhận văn bản lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, trong vòng 05 ngày làm việc, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn trên nếu tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được coi là đã chấp thuận và phải chịu trách nhiệm do việc không trả lời hoặc trả lời chậm trễ gây ra;

- Thời gian giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không ban hành quyết định phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Trường hợp thực hiện trên môi trường mạng, chủ đầu tư dự án có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt lập hồ sơ đề nghị gồm tệp tin chứa bản chụp chính hồ sơ, tài liệu quy định và thực hiện trên địa chỉ website: <https://dichvucong.mt.gov.vn>.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trên môi trường mạng.

8.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu quy định;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Quyết định phê duyệt dự án hoặc văn bản giao nhiệm vụ Chủ đầu tư công trình;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công; ảnh chụp hiện trạng (đối với công trình cải tạo, nâng cấp);
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các văn bản pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định công trình không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường sắt: Tài liệu về quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thỏa thuận của ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên có liên quan đến việc xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Phương án tổ chức thi công công trình và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình trong quá trình thi công;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư dự án.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Cơ quan theo phân cấp ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam, Cơ quan theo phân cấp ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị và các cơ quan chuyên môn theo phân cấp của ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Mẫu đơn đề nghị cấp phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt

(..1..)
(..2..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
....., ngày tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG SẮT (....3....)

Kính gửi:(..4..)

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14;

Căn cứ Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

Căn cứ (...5.);

Căn cứ ...

(..2..) đại diện bởi:; chức vụ:, đề nghị được cấp Giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt với các nội dung chủ yếu sau:

- Tên công trình: (...3...).

- Thuộc Dự án: (...6..).

- Tại (...7....)

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) công trình (phần trong phạm vi đất dành cho đường sắt) do (...8...) lập, đã được (...9...) phê duyệt tại quyết định sốngày ...tháng ...năm

- Quy mô công trình: (...10..).

- Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ...

- (...2...) cam kết:

+ Tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình được thi công xây dựng xong trong thời hạn có hiệu lực của Giấy phép.

+ Tự phá dỡ công trình và chịu mọi chi phí phá dỡ khi hết hạn sử dụng (đối với công trình xây dựng tạm).

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt và không gây ô nhiễm môi trường.

+ Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép.

Nếu không thực hiện đúng các cam kết trên, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- + (...5...) (bản sao).
- + (...11...) (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư).
- + (...12...) (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư).
- + (...13...) (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư).
- + (...14...) (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ
CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị cấp giấy phép

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức gửi Đơn đề nghị cấp Giấy phép (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức gửi Đơn đề nghị cấp Giấy phép.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp Giấy phép, lý trình, tuyến đường sắt; ví dụ “Công trình đường ống cấp nước sạch chui qua đường sắt tại vị trí km 5+555, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh”.
- (4) Tên cơ quan cấp Giấy phép thi công xây dựng công trình.
- (5) Văn bản Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép về vị trí, quy mô và các thông số kỹ thuật có liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
- (6) Ghi đầy đủ tên dự án đầu tư xây dựng công trình mà trong đó có công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp Giấy phép thi công xây dựng.
- (7) Ghi rõ lý trình, tên tuyến đường sắt, thuộc địa phận tỉnh, thành phố nào.
- (8) Tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường sắt.
- (9) Cơ quan phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thuộc dự án thiết kế ba bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thuộc dự án thiết kế hai bước, công trình chỉ phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật).
- (10) Ghi rõ quy mô công trình đề nghị cấp Giấy phép.
- (11) Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc văn bản giao nhiệm vụ Chủ đầu tư công trình của cấp có thẩm quyền.
- (12) Quyết định phê duyệt kèm theo hồ sơ thiết kế (các hạng mục công trình trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt) kỹ thuật (đối với công trình thuộc dự án thiết kế ba bước) hoặc bản vẽ thi công (đối với công trình thuộc dự án thiết kế hai bước, công trình chỉ phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) đã được cấp có thẩm quyền duyệt; ảnh chụp hiện trạng (đối với công trình cải tạo, sửa chữa, nâng cấp).
- (13) Phương án tổ chức thi công công trình (phần trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt), biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường sắt.
- (14) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

Ghi chú.

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.



9. Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức là chủ đầu tư dự án có nhu cầu gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trên môi trường mạng đến cơ quan cấp giấy phép:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt quốc gia.
- Cơ quan theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt đô thị.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả kết quả trong ngày làm việc về thành phần hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt;
- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường mạng, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ;
- Thời gian giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không ban hành quyết định phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;
- Trường hợp thực hiện trên môi trường mạng, chủ đầu tư dự án có nhu cầu gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt lập hồ sơ đề nghị gồm tệp tin chứa bản chụp chính hồ sơ, tài liệu quy định và thực hiện trên địa chỉ website: <https://dichvucong.mt.gov.vn>;
- Mỗi Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 12 tháng đồng thời không vượt quá thời gian thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trên môi trường mạng.

9.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị theo mẫu;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn; tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư dự án.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Cơ quan theo phân cấp ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam, Cơ quan theo phân cấp ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- **Quyết định về việc** gia hạn Giấy phép xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

9.8. Phí, lệ phí: Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị gia hạn phép xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

**Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình
trong phạm vi đất dành cho đường sắt**

(..1..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(..2..)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
TRONG PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG SẮT**

(....3....)

Kính gửi:(..4..)

Căn cứ Giấy phép thi công xây dựng công trình....(3)....., số ngày
.... tháng năm của(4)..... cấp cho(2)..... ;

(.....2....) đề nghị được gia hạn Giấy phép thi công xây dựng công trình;
(nêu rõ lý do đề nghị gia hạn).

(...2....) gửi kèm theo các tài liệu sau:

- (....5....).

Thời điểm kết thúc thi công công trình: ngày tháng năm.

(...2....) cam kết thực hiện theo đúng Giấy phép được cấp, quyết định gia
hạn Giấy phép thi công xây dựng công trình và quy định của pháp luật có liên
quan.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ GIA HẠN**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị gia hạn

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức gửi Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức gửi Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng công trình.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị gia hạn Giấy phép, lý trình, tuyến đường sắt; ví dụ “Công trình đường ống cấp nước sạch chui qua đường sắt tại vị trí Km5+555, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh”.
- (4) Tên cơ quan đã cấp Giấy phép xây dựng công trình.
- (5) Các văn bản, bản vẽ liên quan (nếu ...2... thấy cần thiết)/.

10. Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối các tuyến đường sắt nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối:

- Bộ Giao thông vận tải đối với các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với:

+ Các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn quản lý;

+ Các tuyến đường sắt đô thị với tuyến đường sắt đô thị đi qua địa giới hành chính hai tỉnh trở lên trong trường hợp vị trí kết nối trên địa bàn quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Thời hạn giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận chủ trương kết nối. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

10.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối theo mẫu quy định;

- Quy hoạch xây dựng tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng đề nghị kết nối được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bình đồ khu vực kết nối;

- Bình diện, trắc dọc đường sắt khu vực kết nối;

- Phương án kỹ thuật kết nối: đường sắt; hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt tại khu vực kết nối; trung tâm Điều hành giao thông vận tải; đầu nối không gian và đầu nối kỹ thuật với các công trình liên quan tại vị trí kết nối.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận chủ trương kết nối.

10.8. Phí, lệ phí: Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

Mẫu Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối theo mẫu quy định

(.1.)

(.2.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

.....(3)....., ngày tháng năm 20...

V/v(4).....

Kính gửi:(5)....

(.....2.....) đại diện bởi:..... ; chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã).....

quận (huyện).....tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

- Căn cứ quy hoạch (*nêu tên quy hoạch*) được (*nêu rõ cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch*) tại quyết định số ngày tháng năm .

- Căn cứ chủ trương nghiên cứu dự án.....

Sau khi nghiên cứu Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.(2).....đề nghị...(5)...chấp thuận chủ trương kết nối tuyến đường sắt(6)..... với tuyến đường sắt.....(7)...., thời hạn Mục đích để.....

1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)

2. Vị trí kết nối: Tại ga...km trên tuyến đường sắt .. (7)....:

- Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;

- Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;

- Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:

- Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối (*yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng*).

- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....

- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....



- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, Điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Bình diện đường sắt khu vực kết nối

- Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối

- Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử-văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... (*yêu cầu liệt kê rõ*).

- Các nội dung khác

4. Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình kết nối (*ghi rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác*)

5. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....

6. Thời gian thi công kết nối dự kiến

7. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:.....

8. Phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.

- Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.

9. Tác động đối với kinh tế - xã hội của địa phương nơi có vị trí kết nối sau khi kết nối.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA

...(2)...

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu VT.

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối (nếu có).

(2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.

(5): Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.

(6): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(7): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

11. Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối các tuyến đường sắt nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kết nối trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối:

- Bộ Giao thông vận tải đối với các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với:

+ Các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn quản lý;

+ Các tuyến đường sắt đô thị với tuyến đường sắt đô thị đi qua địa giới hành chính hai tỉnh trở lên trong trường hợp vị trí kết nối trên địa bàn quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

- Thời hạn giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kết nối. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do;

- Sau khi đã hoàn thành kết nối, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quyết định công bố, Điều chỉnh hệ thống đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

11.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối của chủ đầu tư theo mẫu quy định;

- Bản sao các tài liệu sau:

+ Quyết định đầu tư dự án kết nối các tuyến đường sắt;

+ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công các công trình đường sắt; hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt tại khu vực kết nối; trung tâm Điều hành giao thông vận tải; đấu nối không gian và đấu nối kỹ thuật với các công trình liên quan tại vị trí kết nối;

Hồ sơ bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ đã được phê duyệt kèm theo Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật;

+ Phương án tổ chức thi công kết nối các công trình đường sắt; hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt tại khu vực kết nối; trung tâm Điều hành giao thông vận tải; đầu nối không gian và đầu nối kỹ thuật với các công trình liên quan tại vị trí kết nối;

Biện pháp bảo đảm an toàn thi công, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ trong khu vực kết nối;

+ Phương án tổ chức chạy tàu trên tuyến đường sắt đã được kết nối và giải pháp bảo đảm an toàn giao thông sau khi kết nối.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép kết nối.

11.8. Phí, lệ phí: Không có.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối các tuyến đường sắt.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

(..1..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(..2..)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

.....(3)....., ngày tháng năm 20...

V/v(4).....

Kính gửi:(5)....

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;
- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;
- Căn cứ văn bản số của(5)... chấp thuận chủ trương kết nối
- Căn cứ Quyết định đầu tư (ghi rõ số quyết định đầu tư dự án liên quan đến hạng Mục cần đề nghị cấp giấy phép kết nối);
- Căn cứ Quyết định phê duyệt thiết kế (nêu rõ số quyết định phê duyệt thiết kế, cơ quan phê duyệt, bước thiết kế);
- (.....2.....) đại diện bởi:..... ; chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ: số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã)..... quận (huyện).....tỉnh, thành phố:.....
- Số điện thoại:.....

I.(2).....đề nghị ... (5).....cấp giấy phép kết nối tuyến đường sắt(6)..... với tuyến đường sắt.....(7)....., với các nội dung như sau:

1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)
2. Vị trí kết nối: Tại ga...km trên tuyến đường sắt .. (7)....:
 - Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;
 - Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;
 - Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;
3. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:
 - Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....
 - Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
 - Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối (yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng).

- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....
- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....
- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, Điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Bình diện đường sắt khu vực kết nối
- Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối
- Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử-văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... *(yêu cầu liệt kê rõ)*.
- Các nội dung khác

4. Cam kết về kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình đường sắt tại vị trí kết nối *(ghi rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác)*

5. Phương án vận tải: *(Phương án tổ chức chạy tàu từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia; từ đường sắt đô thị vào đường sắt đô thị và ngược lại; phương án dồn dịch toa xe...)*.

6. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....:

7. Thời gian thi công kết nối:....

8. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:....

9. Phương án quản lý, sử dụng:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.
- Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.

II.(2)..... cam kết:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo giấy phép kết nối.
- Chịu toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối.
- Bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công; quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối trong quá trình khai thác, sử dụng.
- Tự di chuyển vị trí kết nối hoặc cải tạo công trình trong khu vực kết nối và không đòi bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tự tháo dỡ công trình, thiết bị kết nối và chịu mọi chi phí tháo dỡ khi hết hạn sử dụng (đối với kết nối có thời hạn).

Hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của những thông tin, hồ sơ đã cung cấp và các nội dung đã cam kết theo đơn này./.

(Kèm theo Đơn này là ... bộ hồ sơ thiết kế (mã hiệu, ký hiệu hồ sơ) đã được cấp thẩm quyền... phê duyệt)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA

...(2)...

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị cấp giấy phép kết nối (nếu có).
- (2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép kết nối.
- (3): Địa danh.
- (4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.
- (5): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.
- (6): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.
- (7): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

12. Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, chủ sở hữu công trình đã được cấp giấy phép kết nối có nhu cầu gia hạn giấy phép, bãi bỏ kết nối lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép kết nối hoặc đề nghị bãi bỏ kết nối, nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối:

- Bộ Giao thông vận tải đối với các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với:

+ Các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn quản lý;

+ Các tuyến đường sắt đô thị với tuyến đường sắt đô thị đi qua địa giới hành chính hai tỉnh trở lên trong trường hợp vị trí kết nối trên địa bàn quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

- Thời hạn giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền gia hạn kết nối. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản nêu rõ lý do;

- Sau khi đã gia hạn thời gian sử dụng kết nối có thời hạn, hoàn thành việc bãi bỏ kết nối, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quyết định công bố, Điều chỉnh hệ thống đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

12.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian thi công kết nối gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn của chủ đầu tư theo mẫu quy định;

+ Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh lý do đề nghị kéo dài thời gian thi công kết nối theo giấy phép được cấp và tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian khai thác, sử dụng kết nối gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn của chủ đầu tư theo mẫu quy định;

+ Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh lý do đề nghị kéo dài thời gian khai thác, sử dụng kết nối theo giấy phép được cấp.

- Hồ sơ đề nghị bãi bỏ kết nối gồm:
 - + Đơn đề nghị bãi bỏ kết nối của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định;
 - + Phương án tổ chức thi công khi bãi bỏ kết nối.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định.

12.8. Phí, lệ phí: Không có.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt;
- Đơn đề nghị bãi bỏ vị trí kết nối các tuyến đường sắt.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

Mẫu Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

(.1.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(.2.)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

.....(3)....., ngày tháng năm 20...

V/v(4).....

Kính gửi: ...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;
- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ Quyết định số /..... ngày ... tháng ... năm của ...(5)... về việc kết nối tuyến đường sắt(6)... với tuyến đường sắt ...(7)..;

(.....2.....) đại diện bởi:..... ; chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ: số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã)..... quận (huyện)..... tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

...(2) đề nghị (5)... cho phép được gia hạn (nêu rõ gia hạn thời gian thi công kết nối hoặc thời gian khai thác sử dụng tuyến đường sắt kết nối), với các nội dung sau:

1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)

2. Vị trí kết nối: Tại ga...km trên tuyến đường sắt .. (7)....:

3. Lý do đề nghị gia hạn:

4. Thời gian đề nghị gia hạn đến ngày tháng năm.....

5. Cam kết của tổ chức, cá nhân xin gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo giấy phép đã được cấp và Quyết định gia hạn kết nối.

- Hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của những thông tin, hồ sơ đã cung cấp và các nội dung đã cam kết theo đơn này.

6. (.....2.....) gửi kèm theo các tài liệu sau:

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA

...(2)...

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu VT.

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép kết nối (nếu có).
- (2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép kết nối.
- (3): Địa danh.
- (4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.
- (5): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.
- (6): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.
- (7): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

Mẫu Đơn đề nghị bãi bỏ vị trí kết nối các tuyến đường sắt

(.1..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(.2..)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

.....(3)....., ngày tháng năm 20...

V/v(4).....

Kính gửi: ...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;
- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ quy hoạch bãi bỏ kết nối.... (nêu tên quy hoạch) được (nêu rõ cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch) tại quyết định số ngày tháng năm .

- Căn cứ Quyết định số /..... ngày ... tháng ... năm của ...(5).. về việc kết nối tuyến đường sắt(6).... với đường sắt ...(7).....;

(.....2.....) đại diện bởi:..... ; chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ: số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã)..... quận (huyện).....tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

...(2) đề nghị (5)... cho phép được bãi bỏ vị trí kết nối với các nội dung sau:

1. Tên tuyến đường sắt đề nghị bãi bỏ kết nối:
2. Địa điểm vị trí kết nối đề nghị bãi bỏ: thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)
3. Vị trí kết nối đề nghị bãi bỏ: Tại ga...km trên tuyến đường sắt .. (6).....:
4. Lý do đề nghị bãi bỏ:
5. Phương án hoàn trả mặt bằng tại vị trí kết nối sau khi bãi bỏ (Nêu rõ phương án, kinh phí hoàn trả mặt bằng công trình tại vị trí bãi bỏ kết nối).
6. Phương án tổ chức thi công, tháo dỡ công trình tại vị trí kết nối (Nêu rõ phương án tổ chức thi công, tháo dỡ công trình tại vị trí bãi bỏ kết nối).
7. Phương án bàn giao mặt bằng sau khi bãi bỏ kết nối (nêu rõ thời gian bắt đầu và kết thúc tháo dỡ kết nối; thời gian bàn giao mặt bằng sau khi tháo dỡ; đơn vị bàn giao, tiếp nhận mặt bằng trước và sau khi tháo dỡ)
8. Phương án quản lý, sử dụng:



- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối sau khi bãi bỏ vị trí kết nối.

- Quản lý, sử dụng vật tư thu hồi sau khi bãi bỏ vị trí kết nối.

9. Tác động đối với kinh tế - xã hội của địa phương nơi có vị trí kết nối sau khi bãi bỏ vị trí kết nối.

10. (.....2.....) gửi kèm theo các tài liệu sau:

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA

...(2)...

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị bãi bỏ kết nối (nếu có).

(2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị bãi bỏ kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.

(5): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.

(6): Tên tuyến đường sắt đang được kết nối với đường sắt quốc gia hoặc đường sắt đô thị đề nghị bãi bỏ.

(7) Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị đang có kết nối.

13. Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Khi lập dự án đầu tư xây dựng đường ngang, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng:

- Bộ Giao thông vận tải đối với đường ngang xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng xây dựng trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến quốc lộ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với đường ngang công cộng xây dựng trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường bộ đô thị, đường bộ chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý.
- Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng đối với đường ngang chuyên dùng xây dựng trên đường sắt chuyên dùng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc phải có văn bản trả lời và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan, tổ chức có liên quan phải có văn bản trả lời; quá thời hạn trên, nếu không có ý kiến thì được coi là đồng ý và cơ quan, tổ chức đó phải chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;
- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác.

13.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- Bình đồ khu vực xây dựng đường ngang.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; **Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng.**

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

13.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận.

13.8. Phí, lệ phí: Không có.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đường sắt.

Mẫu Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang

(..1..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(..2..)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

.....(3)....., ngày tháng... năm 20...

V/v(4)...

Kính gửi:...(5).....

.....(6).....
.....

Đường ngang dự kiến xây dựng tại(7).....; giao cắt với
đường bộ(8)....., cấp... (9)....., tại km

..... (lý trình đường bộ).

- Góc giao cắt giữa đường bộ với đường sắt(10)

- Đoạn đường bộ hai bên đường sắt trong phạm vi 100 m mỗi bên là(11).....

- Hình thức tổ chức phòng vệ(12)

.....

- Kinh phí đầu tư xây dựng công trình:...(13)

- Kinh phí quản lý, bảo trì và tổ chức phòng vệ đường ngang... (14).....

.....(2)..... đề nghị(5) xem xét chấp
thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi văn bản đề nghị:

(1): Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đề nghị chấp thuận chủ trương (nếu có).

(2): Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị chấp thuận chủ trương.

(3): Địa danh.

(4): Trích yếu nội dung công văn.

(5): Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

- (6): Nêu lý do cần xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường ngang.
- (7): Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt (ví dụ km 5+750, tuyến đường sắt Gia Lâm - Hải Phòng).
- (8): Tên tuyến đường bộ, ví dụ: quốc lộ số.... tỉnh lộ số.... liên huyện nối huyện với....
- (9): Cấp đường bộ theo quy định.
- (10): Ghi góc giao cắt giữa đường bộ với đường sắt.
- (11): Đường thẳng hay cong, bán kính đường cong; bằng hay dốc, độ dốc.
- (12): Nêu hình thức tổ chức phòng vệ (có người gác, cảnh báo tự động) cho đường ngang này.
- (13): Kinh phí đầu tư xây dựng công trình do Chủ đầu tư chi trả.
- (14): Kinh phí quản lý, bảo trì và tổ chức phòng vệ do ai chi trả.

14. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đến Cục Đường sắt Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Đường sắt Việt Nam hướng dẫn chủ sở hữu phương tiện hoàn thiện hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc (nếu hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu phương tiện biết để bổ sung hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc (nếu tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính);

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định, Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp không cấp, Cục Đường sắt Việt Nam có văn bản trả lời cho chủ sở hữu phương tiện và nêu rõ lý do.

- Trường hợp mất Giấy chứng nhận đăng ký:

+ Căn cứ vào hồ sơ của phương tiện, Cục Đường sắt Việt Nam xem xét, cấp cho chủ sở hữu phương tiện Giấy xác nhận khai báo mất Giấy chứng nhận đăng ký;

+ Thời gian xem xét giải quyết cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký là 30 ngày kể từ ngày Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, Cục Đường sắt Việt Nam có văn bản trả lời cho chủ sở hữu phương tiện và nêu rõ lý do.

14.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

14.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp chuyển quyền sở hữu:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện theo mẫu quy định;

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu tương ứng với từng trường hợp cụ thể bao gồm: Hợp đồng cho, tặng, mua bán, hóa đơn mua bán phương tiện; quyết định Điều chuyển phương tiện;

+ Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có).

- Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện theo mẫu quy định;

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký trước khi phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

- Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện theo mẫu quy định;

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng.

- Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị mất: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu đơn quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do chuyển quyền sở hữu; do thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi thông số kỹ thuật chủ yếu; do **Giấy chứng nhận đăng ký** bị hư hỏng: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định.

- Trường hợp cấp lại do **Giấy chứng nhận đăng ký** bị mất: 30 ngày kể từ ngày Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ sở hữu phương tiện.

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

14.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

14.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký: 120.000 đồng/01 lần cấp.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp **lại** Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 10/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

(Dùng cho phương tiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp chuyển quyền sở hữu, thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu)

Kính gửi:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Nhãn hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất):

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT:

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng (t)	
Tải trọng (t) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Động cơ (nếu có)	
Số động cơ (nếu có)	
Công suất động cơ (nếu có)	
Loại giá chuyển hướng (nếu có)	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxCxR)	

Phương tiện này đã được

- Mua lại (hoặc Điều chuyển) từ: Tổ chức (hoặc cá nhân):

theo Quyết định Điều chuyển số, hoặc hợp đồng cho, tặng, mua bán:

- Chuyển quyền sở hữu, thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu theo Quyết định số:
 - Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký số:
- Ngày tháng năm

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

Nay đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện trên./.

... .. Ngày tháng năm

Chủ sở hữu phương tiện

(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG
SẮT

(Dùng cho phương tiện đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp bị
mất, hư hỏng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện)

Kính gửi:

Tên chủ sở hữu phương tiện:.....

Địa chỉ:

Hiện đang là chủ sở hữu loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên
dùng):.....

Số đăng ký Do cấp ngày... tháng... năm.....

Có đặc điểm cơ bản sau:

Nhãn hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất):

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT:.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về
lời khai của mình.

Nay đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký
phương tiện cho phương tiện trên với lý do: (nêu rõ lý do mất Giấy chứng nhận đăng
ký, thời gian, địa điểm mất hoặc lý do bị hư hỏng đối với Giấy chứng nhận đăng ký bị
hư hỏng)

.....
.....
.....

... .. Ngày tháng năm

Chủ sở hữu phương tiện

(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

15. Cấp lại Giấy phép lái tàu

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy phép lái tàu phải nộp 01 hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Đường sắt Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác).

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì cấp lại giấy phép lái tàu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp không cấp lại thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác.

15.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái tàu có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý theo mẫu quy định;

- Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sức khỏe lái tàu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;

- 03 ảnh màu cỡ 3x4 cm chụp trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân.

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

15.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép lái tàu.

15.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp lại Giấy phép lái tàu: 100.000 đồng/01 lần cấp.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái tàu có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt ;
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thu phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái tàu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy phép lái tàu

Loại

Kính gửi: CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Tên tôi là :

Sinh ngàytháng nămtại.....

Quê quán :

Nơi ở hiện nay : Điện thoại :

Đơn vị công tác hiện nay :

Số Giấy CMND (CCCD).....Cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Hiện tại có bị quản chế, cải tạo tại chỗ, đang bị khởi tố, điều tra hoặc đang thi hành án không ? Tôi đã được Cục Đường sắt Việt Nam cấp giấy phép lái tàu: (loại giấy phép, số giấy phép)

Loại giấy phép :

Số giấy phép :

Đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam xét, cấp lại cho tôi giấy phép lái tàu:

Loại:

Lý do:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý người
đăng ký dự sát hạch**

Ông (Bà): là lái tàu hiện đang
công tác tại:

Giấy phép lái tàu của ông (bà) :
(nêu lý do cấp lại). Đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam cấp lại
giấy phép lái tàu.

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm ...

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

II. Lĩnh vực Đăng kiểm

1. Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định gửi đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng một (01) ngày làm việc. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại.

- Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra nội dung hồ sơ trong vòng năm (05) ngày làm việc đối với kiểm tra sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, hoán cải và trong vòng một (01) ngày làm việc đối với kiểm tra định kỳ. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra nội dung hồ sơ. Nếu nội dung hồ sơ hợp lệ thì viết giấy hẹn kiểm tra thống nhất về thời gian và địa điểm kiểm tra sản phẩm tại hiện trường.

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại hiện trường và thực hiện như sau:

+ Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong thời hạn ba (03) ngày làm việc đối với kiểm tra sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, hoán cải hoặc một (01) ngày làm việc đối với kiểm tra định kỳ kể từ ngày kết thúc kiểm tra và cấp, dán tem kiểm định cho phương tiện;

+ Nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì Cục Đăng kiểm Việt Nam ra Thông báo không đạt chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Đối với trường hợp nhập khẩu phương tiện, thông báo này được gửi cho các cơ quan liên quan biết để phối hợp.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đối với kiểm tra sản phẩm sản xuất, lắp ráp

- Giấy đề nghị kiểm tra của cơ sở sản xuất, lắp ráp hoặc chủ phương tiện theo mẫu quy định;

- Hồ sơ thiết kế bao gồm:

+ Đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp mới:



- Bản vẽ kỹ thuật: bản vẽ tổng thể của phương tiện, tổng thành, thiết bị; bản vẽ lắp đặt của tổng thành, thiết bị, hệ thống trên phương tiện; bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành, thiết bị sản xuất trong nước; bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành, thiết bị nhập khẩu;
- Bản thuyết minh, tính toán: thuyết minh đặc tính kỹ thuật cơ bản của phương tiện; thuyết minh, tính toán kiểm nghiệm động lực học: tính êm dịu vận hành, tính an toàn chống lật và chống trật bánh; thuyết minh, tính toán kiểm nghiệm sức kéo (áp dụng đối với đầu máy, toa xe đường sắt đô thị); thuyết minh, tính toán kiểm nghiệm sức bền của khung giá chuyên hướng, bộ trục bánh xe, bệ xe, thân xe; thuyết minh, tính toán kiểm nghiệm hệ thống hãm.

+ Đối với tổng thành, thiết bị, linh kiện sản xuất, lắp ráp mới: bản vẽ tổng thể của tổng thành, thiết bị, linh kiện; bản thuyết minh đặc tính kỹ thuật của tổng thành, thiết bị, linh kiện; tính toán kiểm nghiệm sức bền đối với thân xe, khung giá chuyên hướng, bộ trục bánh xe, bộ móc nối đỡ đãm)

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng và tài liệu kỹ thuật của tổng thành, hệ thống, thiết bị, linh kiện liên quan được sử dụng;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm của phương tiện, tổng thành, thiết bị, linh kiện của nhà sản xuất hoặc tổ chức thử nghiệm.

b) Đối với kiểm tra sản phẩm nhập khẩu

- Giấy đề nghị kiểm tra của đơn vị nhập khẩu theo mẫu quy định;
- Bản vẽ tổng thể, tài liệu về đặc tính kỹ thuật;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm phương tiện, tổng thành, thiết bị, linh kiện của nhà sản xuất hoặc tổ chức thử nghiệm đối với sản phẩm nhập khẩu mới.

c) Đối với kiểm tra phương tiện hoán cải:

- Giấy đề nghị kiểm tra của cơ sở hoán cải hoặc chủ phương tiện theo mẫu quy định;
- Hồ sơ thiết kế phương tiện hoán cải bao gồm: bản sao giấy đăng ký của phương tiện; bản vẽ tổng thể của phương tiện trước và sau hoán cải; tài liệu kỹ thuật (bản vẽ và thuyết minh, tính toán) của tổng thành, thiết bị, hệ thống được hoán cải; bản thuyết minh, tính toán liên quan đến nội dung hoán cải;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng và tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, thiết bị, linh kiện mới được sử dụng;
- Hồ sơ kiểm tra phương tiện hoán cải của cơ sở hoán cải.

d) Đối với kiểm tra định kỳ phương tiện:

- Hồ sơ kiểm tra của chủ phương tiện hoặc cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa;
- Bản sao giấy đăng ký phương tiện (đối với trường hợp phương tiện sản xuất, lắp ráp mới và phương tiện nhập khẩu kiểm tra định kỳ lần đầu hoặc phương tiện có thay đổi số đăng ký).

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với kiểm tra sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, hoán cải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế tại hiện trường;
- Đối với kiểm tra định kỳ: 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế tại hiện trường.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận, Tem kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

1.8. Phí, lệ phí:

- Mức thu giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt theo quy định tại Thông tư số 236/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính;
- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận;

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị kiểm tra.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 236/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt.

MẪU – GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....Email:.....

Nội dung đề nghị kiểm tra: Phương tiện/Tổng thành/Thiết bị/Linh kiện

.....
.....
.....

Hồ sơ kèm theo:

.....
.....
.....
.....

Địa điểm và thời gian:

.....

TỔ CHỨC / CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Sau khi nhận được đề nghị, căn cứ hồ sơ đăng kiểm của phương tiện, nếu giấy chứng nhận của phương tiện còn hiệu lực, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp lại giấy chứng nhận theo thời hạn của giấy chứng nhận đã bị hư hỏng hoặc mất trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị; nếu giấy chứng nhận của phương tiện đã hết hiệu lực, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo trả lời không cấp lại giấy chứng nhận.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

2.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

2.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

MẪU – GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN**

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....Email:.....

Nội dung đề nghị: Cấp lại giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

Loại phương tiện:	Số hiệu:
Số đăng ký:	
Số giấy chứng nhận:	
Thời hạn giấy chứng nhận:	

Lý do cấp lại:.....

.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

TỔ CHỨC / CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



3. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thẩm định an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Thời điểm nộp hồ sơ:

- + Giấy đề nghị thẩm định nộp cùng với Đề cương đánh giá, chứng nhận;
- + Đề cương đánh giá, chứng nhận và các phiên bản cập nhật sửa đổi đã được Chủ đầu tư phê duyệt nộp sau khi được Chủ đầu tư phê duyệt;
- + Báo cáo đánh giá và các tài liệu đánh giá kèm theo đối với các hạng mục mà Tổ chức chứng nhận đã thực hiện theo Đề cương đánh giá, chứng nhận nộp ngay sau khi hoàn thành công việc;
- + Báo cáo xử lý, khắc phục của Chủ đầu tư đối với các vấn đề được nêu trong báo cáo đánh giá của Tổ chức chứng nhận nộp ngay sau khi hoàn thành công việc;
- + Báo cáo đánh giá cuối cùng và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận an toàn hệ thống của Tổ chức chứng nhận nộp sau khi Tổ chức chứng nhận hoàn thành và kết thúc toàn bộ công việc.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ.

- Đối với việc thẩm định các hồ sơ: Đề cương đánh giá, chứng nhận và các phiên bản cập nhật sửa đổi đã được Chủ đầu tư phê duyệt quy định; Báo cáo đánh giá và các tài liệu đánh giá kèm theo đối với các hạng mục mà Tổ chức chứng nhận đã thực hiện theo Đề cương đánh giá, chứng nhận; Báo cáo xử lý, khắc phục của Chủ đầu tư đối với các vấn đề được nêu trong báo cáo đánh giá của Tổ chức chứng nhận, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

- + Thông báo kết quả thẩm định trong trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu;
- + Có văn bản nêu rõ lý do không đạt và yêu cầu Chủ đầu tư khắc phục, hoàn thiện trong trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu.

- Đối với việc thẩm định báo cáo đánh giá cuối cùng, Giấy chứng nhận an toàn hệ thống, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ toàn bộ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

+ Cấp Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống trong trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu;

+ Có văn bản nêu rõ lý do không đạt và yêu cầu Chủ đầu tư khắc phục, hoàn thiện trong trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

3.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị thẩm định theo mẫu quy định;

- Đề cương đánh giá, chứng nhận và các phiên bản cập nhật sửa đổi đã được Chủ đầu tư phê duyệt;

- Báo cáo đánh giá và các tài liệu đánh giá kèm theo đối với các hạng mục mà Tổ chức chứng nhận đã thực hiện theo Đề cương đánh giá, chứng nhận;

- Báo cáo xử lý, khắc phục của Chủ đầu tư đối với các vấn đề được nêu trong báo cáo đánh giá của Tổ chức chứng nhận;

- Báo cáo đánh giá cuối cùng và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận an toàn hệ thống của Tổ chức chứng nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ toàn bộ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị.

3.8. Phí, lệ phí, giá:

- Mức thu **giá** theo quy định tại Thông tư số 236/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;
- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị;
- Thông tư số 236/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt;
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

Mẫu Giấy đề nghị thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị

(TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

AN TOÀN HỆ THỐNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

Loại hình chứng nhận:(Xây dựng mới/nâng cấp)

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tên Chủ đầu tư:.....

Địa chỉ.....

.....

Điện thoại..... Fax: E-mail:.....

Tên Tổ chức vận hành:.....

Địa chỉ.....

.....

Điện thoại..... Fax: E-mail:

Nội dung đề nghị:

.....

.....

.....

.....

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)

4. Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức vận hành nộp hồ sơ đề nghị Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

+ Thực hiện kiểm tra việc duy trì Hệ thống quản lý an toàn vận hành và cấp Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu;

+ Có văn bản trả lời và nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị trong trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

4.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị theo mẫu quy định;

- Báo cáo đánh giá nội bộ của Tổ chức vận hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị.

4.8. Phí, lệ phí, giá:

- Mức thu **giá** theo quy định tại Thông tư số 236/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị;

- Thông tư số 236/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

**Mẫu Giấy đề nghị chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành
đường sắt đô thị**

(TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN ĐỊNH KỲ
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VẬN HÀNH ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ**

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tên Tổ chức vận hành:.....

Địa chỉ.....

.....

Điện thoại..... Fax: E-mail:

Nội dung đề nghị:

.....

.....

.....

.....

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)